

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **LÊ ÚT K**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.

* *Bi đơn:* Anh **VÕ THANH H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị K có mặt tại phiên tòa, anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Lê Út Kiều trình bày:

Chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hằn gán đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh H.

+ Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên Võ Thị Kim A, sinh ngày 02/7/2010 khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo tờ khai ngày 13/8/2019 phía bị đơn anh Võ Thanh H trình bày:

Anh và chị K xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm nên không sống chung được, nhiều lần hằn gán đoàn tụ nhưng không thành, anh chị có 01 con chung theo lời chị Kiều trình bày là đúng, hiện con chung sống với anh từ khi vợ chồng ly thân. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay anh đồng ý ly hôn theo

yêu cầu của chị K, về con chung: anh yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Võ Thị Kim A, sinh ngày 02/7/2010, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị K vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Anh Võ Thanh H có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Hải là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Lê Út K và anh Võ Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn. Theo lời chị K khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, nay chị xin ly hôn anh H. Còn phía anh H có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, tuy nhiên theo tờ tự khai anh cung cấp cho Tòa án đề ngày 13/8/2019 anh cũng xác định anh và chị K chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K. Xét thấy chị K và anh H đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ năm 2018 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được, anh chị cũng có ý kiến thống nhất ly hôn, tại phiên tòa, phía chị Kiều vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H, còn phía anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận của chị có xác nhận của ban quản lý ấp 2, xã TH ngày 06/8/2019 về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị và anh H nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Thị Kim A, sinh ngày 02/7/2010, tại phiên tòa chị K thống nhất đồng ý để anh H nuôi con chung, phía anh H vắng mặt, tuy nhiên tại tờ khai ngày 13/8/2019 anh cũng có ý kiến được tiếp tục nuôi con chung, mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu Kim A cũng có nguyện vọng sống với anh H nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Xét thấy từ khi chị K và anh H ly thân nhau, con chung do anh H nuôi dưỡng đã ổn định, cháu vẫn phát triển tốt bình thường, cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận do chị K cung cấp có xác nhận của ban quản lý ấp 2, xã TH ngày 06/8/2019 về hiện trạng nuôi con chung của anh H, do vậy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung nên tiếp tục giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H xác định đủ khả năng nuôi con, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Út K.
Cho chị Lê Út Kiều được ly hôn anh Võ Thanh H.

2/ Về con chung:

- Giao con chung cháu Võ Thị Kim A, sinh ngày 02/7/2010 cho anh H nuôi dưỡng.
Chị Lê Út K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
Chị Lê Út K được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí:

Chị Lê Út K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002084 ngày 17/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH